TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày: 31-5-2021
"V/v tranh chấp dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

Bà Nguyễn Thúy Phượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công kVăn H vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXX-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 116 Tổ 3 ấp PT 2, xã KA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 2 khóm TP, thị trấn CT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày*: Do trước đây anh Trần Văn H và chị Phạm Thị H làm chung công ty nên chị H có mượn anh Văn H số tiền lần 1 là 20.000.000 đồng, lần 2 là 4.000.000 đồng và lần 3 là 5.000.000 đồng (lần cuối cùng mượn là ngày 23/3/2018), khi cho vay thì không làm biên nhận do quen biết tin tưởng lẫn nhau và H cũng hứa là một tháng sẽ trả hết số tiền.

Tổng cộng H nợ anh Văn H số tiền 29.000.000 đồng, sau đó H có trả cho anh Văn H được số tiền 2.600.000 đồng. Đến ngày 5/11/2019 chốt lại thì H còn nợ tôi số tiền 26.400.000 đồng (có làm tờ cam kết do H tự ghi và ký tên).

Anh Trần Văn H nhiều lần yêu cầu H thanh toán cho số tiền còn lại nhưng H cứ cố tình tránh né kéo dài. Nay yêu cầu Toà án buộc chị Phạm Thị H trả cho tôi số tiền còn lại là 26.400.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 25/4/2018 đến khi xét xử.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định 3.000.000 đồng, yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt torng suốt quá trình giải quyết vụ án nên chưa đảm bảo theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, Tòa án vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Theo yêu cầu và trình bày của nguyên đơn thấy rằng giữa Văn H và H có sự tự nguyện thỏa thuận thực hiện giao dịch, theo đó Văn H cho H mượn số tiền 29.000.000 đồng nhưng đến ngày 5/11/2019 chốt sổ lại thì H còn nợ 26.400.000 đồng, từ khi vay đến nay thì H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Về tài liệu là "tờ cam kết ngày 21/9/2019 và 05/11/2019" do nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định, kết luận giám định "Chữ ký và chữ viết tên H trên tài liệu cần giám định và trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra". Do đó, đủ cơ sở kết luận Phạm Thị H còn nợ Trần Văn H số tiền là 26.400.000 đồng, buộc H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật áp dụng.

- *Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: Kết luận giám định số 05/KLGT-PC09(TL) ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; 03 Phiếu thanh toán tiền công đoàn, cùng ngày 29/3/2019; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 09/3/2019; Đơn xin nghỉ phép ngày 20/7/2017; Đơn xin nghỉ phép ngày 30/11/2018; Đơn xin nghỉ phép ngày 10/10/2018 do Tòa án thu thập tại Công ty TNHH MTV Trịnh Văn Phú; Biên bản xác minh tại Ban khóm TP, thị trấn CT, huyện Tri Tôn 29/4/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng giao dịch này giữa Văn H với H là sự thỏa thuận để thực hiện giao dịch dân sự, bằng hình thức vay bằng tiền. Giao dịch này phù hợp theo quy định điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hợp đồng vay: Trên cơ sở sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, theo yêu cầu của nguyên đơn, cùng với các tài liệu chứng cứ, thấy rằng anh Trần Văn H đã cho chị Phạm Thị H vay số tiền 26.400.000 đồng được thể hiện qua tờ cam kết ngày 05/11/2019 do chị H ký và ghi tên. Nhưng đến nay chị H không thanh toán được dẫn đến còn nợ anh Văn H số tiền 26.400.000 đồng. Sự thỏa thuận này thuộc giao dịch dân sự là hợp đồng vay có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Đánh giá về chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp được "tờ cam kết ngày 05/9/2019", Tòa án tiến hành trưng cầu giám định theo kết luận giám định số 05/KLGT-PC09(TL) ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận: "*Chữ ký và chữ viết tên H trên tài liệu cần giám định và trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra*". Do đó, chứng cứ này là phù hợp theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định chị H có vay của anh Văn H số tiền 26.400.000 đồng là có thật.

Nguyên đơn yêu cầu trả vốn và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 25/4/2018 đến ngày xét xử bằng 37 tháng 6 ngày là phù hợp quy định. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay theo thỏa thuận và lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bô luật dân sự.

Cụ thể: 26.400.000 đồng x 10%/năm x 37 tháng 6 ngày = 8.184.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi: 26.400.000 đồng + 8.184.000 đồng = 34.584.000 đồng.

Do đó, theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu. Nhưng nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền chi phí giám định 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 / 2016 / UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Phạm Thị H.

- Buộc chị Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn H số tiền nợ vốn và lãi là 34.584.000 đồng *(Ba mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng)*, trong đó vốn: 26.400.000 đồng *(Văn H mươi sáu triệu, bốm trăm nghìn đồng)*; lãi: 8.184.000 đồng *(Tám triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 1.729.000 đồng *(Một triệu bảy trăm Văn H mươi chín nghìn đồng)* tiền án phí.

Anh Trần Văn H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 764.500đ *(Bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số TU/2017/0009587 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị H phải hoàn lại cho anh Trần Văn H số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- THADS h. Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

Đoàn Văn Hùng